

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ III NĂM 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		703,902,499,658	495,061,616,075
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	49,941,211,509	42,319,704,747
1. Tiền	111		49,941,211,509	42,319,704,747
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		86,937,875,751	86,600,875,751
1. Chứng khoán kinh doanh	121		299,500,000	299,500,000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	86,638,375,751	86,301,375,751
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		431,612,232,124	237,135,903,059
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	389,829,218,928	214,153,677,729
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	929,884,934	730,917,377
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5a	-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	41,173,180,642	22,571,360,333
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(320,052,380)	(320,052,380)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		119,454,535,145	123,315,832,082
1. Hàng tồn kho	141	V.7	123,884,249,011	126,239,360,196
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(4,429,713,866)	(2,923,528,114)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		15,956,645,129	5,689,300,436
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	2,783,210,428	2,761,805,568
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		13,173,434,701	2,927,494,868
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ III NĂM 2024

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		200,965,915,552	187,143,455,592
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		138,437,711,806	134,577,275,045
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.5b	63,346,720,000	63,346,720,000
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	75,090,991,806	71,230,555,045
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		30,343,386,488	33,990,668,852
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	20,211,177,907	24,059,034,287
- Nguyên giá	222		87,652,470,501	89,633,970,200
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(67,441,292,594)	(65,574,935,913)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.10	10,066,097,610	9,852,864,041
- Nguyên giá	225		11,872,194,798	11,032,234,798
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(1,806,097,188)	(1,179,370,757)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	66,110,971	78,770,524
- Nguyên giá	228		481,350,800	481,350,800
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(415,239,829)	(402,580,276)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		61,766,000	40,980,220
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	61,766,000	40,980,220
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		27,000,000,000	14,229,152,344
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2b	15,000,000,000	15,000,000,000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	27,000,000,000	27,000,000,000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2b	(15,000,000,000)	(27,770,847,656)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2a	-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		5,123,051,258	4,305,379,131
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	5,123,051,258	4,305,379,131
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		904,868,415,210	682,205,071,667

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ III NĂM 2024

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		541,041,052,031	428,151,947,353
I. Nợ ngắn hạn	310		529,725,091,628	424,088,689,656
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	122,720,740,360	63,257,415,767
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		867,438,375	476,801,530
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	17,703,000,492	4,716,557,426
4. Phải trả người lao động	314	V.15	19,756,065,658	10,306,873,991
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	7,178,012,080	17,506,041,990
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	552,895,259	1,448,552,847
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18a	358,327,900,853	325,252,397,120
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2,619,038,551	1,124,048,985
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		11,315,960,403	4,063,257,697
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18b	11,315,960,403	4,063,257,697
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam


BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ III NĂM 2024


Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		363,827,363,179	254,053,124,314
I. Vốn chủ sở hữu	410		363,827,363,179	254,053,124,314
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.19	168,299,940,000	168,299,940,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		168,299,940,000	168,299,940,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.19	17,173,652,728	17,173,652,728
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.19	178,353,770,451	68,579,531,586
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		67,017,042,020	16,141,401,771
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		111,336,728,431	52,438,129,815
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		904,868,415,210	682,205,071,667

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 10 năm 2024


Giản Thị Ngọc
Người lập


Nguyễn Thị Mỹ Nhung
Kế toán trưởng


Trương Văn Quang
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ III NĂM 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
QUÝ III NĂM 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này			
			QUÝ III/2024	QUÝ III/2023	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	396,423,864,148	332,983,105,689	678,244,720,946	607,828,356,674
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		396,423,864,148	332,983,105,689	678,244,720,946	607,828,356,674
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	280,583,199,227	261,524,747,393	490,669,663,961	509,593,136,532
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		115,840,664,921	71,458,358,296	187,575,056,985	98,235,220,142
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	4,014,867,909	3,114,286,067	12,425,333,121	11,512,353,148
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	(5,004,461,183)	7,655,835,688	9,383,489,276	22,686,028,051
Trong đó: chi phí lãi vay	23		3,850,665,904	5,708,166,119	11,055,807,926	16,632,049,420
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	8,879,335,253	8,314,114,894	17,760,259,825	16,627,496,374
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	19,890,352,605	14,334,883,375	40,592,616,408	33,177,773,353
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		96,090,306,155	44,267,810,406	132,264,024,597	37,256,275,512
11. Thu nhập khác	31		-	12,041,040	169,076,279	66,374,920
12. Chi phí khác	32	VI.7	924,015,245	1,757	1,086,348,728	13,096,829
13. Lợi nhuận khác	40		(924,015,245)	12,039,283	(917,272,449)	53,278,091
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		95,166,290,910	44,279,849,689	131,346,752,148	37,309,553,603
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.14	14,274,982,486	-	19,587,136,217	5,143,919,615
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		80,891,308,424	44,279,849,689	111,759,615,931	32,165,633,988
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	-	-	-	-
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8	-	-	-	-

TP. Hồ Chí Minh, Ngày 28 tháng 10 năm 2024

CÔNG TY
CỔ PHẦN
TRANGTrương Văn Quang
Tổng Giám đốcGiàn Thị Ngọc
Người lậpNguyễn Thị Mỹ Nhung
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ III NĂM 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		131,346,752,148	37,309,553,600
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9, V.10, V.11	3,683,404,421	3,546,722,779
- Các khoản dự phòng	03	V.2b	(11,264,661,904)	(2,890,000,000)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.3	(684,052,850)	2,406,159,621
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3, VI.7	(6,059,474,212)	(7,962,576,270)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	11,526,472,490	16,632,049,525
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		128,548,440,093	49,041,909,255
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(208,742,366,183)	(104,019,674,990)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		2,355,111,185	(24,679,188,184)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		56,802,155,591	37,132,685,260
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(489,876,987)	453,219,176
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	V.17, VI.4	(11,476,499,888)	(16,718,575,552)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.14	(6,232,360,765)	(2,304,466,681)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(67,500,000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(39,302,896,954)	(61,094,091,716)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.9, V.11, V.12	(1,559,145,780)	(6,462,707,003)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	V.9, VI.7	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(40,345,725,916)	(18,980,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		40,008,725,916	25,930,000,000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.6, VI.3	2,039,742,045	629,267,089
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		143,596,265	1,116,560,086

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.18	492,532,379,499	542,661,901,936
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.18	(443,887,455,216)	(526,782,632,344)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	V.18	(1,709,309,006)	(3,258,445,512)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.17, V.19	997,500,000	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>47,933,115,277</i>	<i>12,620,824,080</i>
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</i>	<i>50</i>		<i>8,773,814,588</i>	<i>(47,356,707,550)</i>
<i>Tiền và tương đương tiền đầu năm</i>	<i>60</i>	V.1	<i>42,319,704,747</i>	<i>62,452,741,809</i>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(1,152,307,826)	63,654,934
<i>Tiền và tương đương tiền cuối năm</i>	<i>70</i>	V.1	<i>49,941,211,509</i>	<i>15,159,689,197</i>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 10 năm 2024

Giản Thị Ngọc
Người lập

Nguyễn Thị Mỹ Nhung
Kế toán trưởng

Trương Văn Quang
Tổng Giám đốc

U P

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ III NĂM 2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ III NĂM 2024

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Trang (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất, chế biến thủy, hải sản, Gia công; đóng gói bao bì :Cà phê, trà; Sản xuất các loại bánh từ bột; Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Công ty con

Công ty chỉ đầu tư vào công ty con là Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Thực phẩm Dasumy có trụ sở chính tại Lô D4, Đường N1, Khu công nghiệp Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con này là bán buôn thực phẩm. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty con này là 75%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích tương đương với tỷ lệ vốn góp.

Công ty liên kết

Công ty chỉ đầu tư vào công ty liên kết là Công ty TNHH Thực phẩm Dary có trụ sở chính tại Lô D4, Đường N1, Khu công nghiệp Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động kinh doanh chính của công ty liên kết này là chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty liên kết này là 45%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích tương đương với tỷ lệ vốn góp.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ báo cáo Công ty có 458 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 453 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH. ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam. Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ III NĂM 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam. Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày cuối kỳ được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chi định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày cuối kỳ được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ III NĂM 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết trên thị trường chứng khoán: giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến thời điểm kết thúc kỳ tài chính.
- Đối với cổ phiếu đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết và các doanh nghiệp Nhà nước thực hiện cổ phần hóa dưới hình thức chào bán chứng khoán ra công chúng (UPCOM): giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm kết thúc kỳ báo cáo do Sở Giao dịch chứng khoán công bố.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ báo cáo được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ III NĂM 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cổ tức của kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ vốn điều lệ thực góp của Công ty tại công ty con, công ty liên kết. Nếu công ty con, công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ báo cáo được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ báo cáo được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ báo cáo được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là công cụ, dụng cụ, chi phí sửa chữa và tiền thuê đất. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ III NĂM 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê (30 – 44 năm).

8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	03 – 30
Máy móc và thiết bị	02 – 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05

10. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của máy móc và thiết bị là 15 năm.

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ III NĂM 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty chỉ có chương trình phần mềm máy tính: Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong khoảng thời gian từ 03 - 07 năm.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả. Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ báo cáo.

14. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung. Chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

15. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và khi có thông báo chi trả cổ tức của Hội đồng quản trị.

16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán thành phẩm

Doanh thu bán thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm cho người mua.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ III NĂM 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý sản phẩm như người sở hữu sản phẩm hoặc quyền kiểm soát sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

17. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu chỉ có hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh hàng bán bị trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu hàng bán bị trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ này.
- Nếu hàng bán bị trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ sau.

18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

19. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ III NĂM 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ báo cáo và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ báo cáo và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ báo cáo. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Tiền mặt	474.251.611	20.501.742
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	49.466.959.898	42.299.203.005
Cộng	49.941.211.509	42.319.704.747

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ III NĂM 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**2a. Chứng khoán kinh doanh**

Trái phiếu Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam có thời hạn gốc 10 năm.

2b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc từ trên 06 tháng đến 12 tháng.

Toàn bộ khoản tiền gửi có kỳ hạn đã được dùng thế chấp để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh An Phú, Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh 6, Ngân hàng BPCE IOM - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh, Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh, Ngân hàng Hongleong Việt Nam và Ngân hàng Standard Chartered Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (xem thuyết minh số V.20).

2c. Đầu tư vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con	15.000.000.000	(15.000.000.000)	15.000.000.000	(15.000.000.000)
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Thực phẩm Dasumy ⁽ⁱ⁾	15.000.000.000	(15.000.000.000)	15.000.000.000	(15.000.000.000)
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	27.000.000.000		27.000.000.000	(12.770.847.656)
Công ty TNHH Thực phẩm Dary ⁽ⁱⁱ⁾	27.000.000.000		27.000.000.000	(12.770.847.656)
Cộng	42.000.000.000	(15.000.000.000)	42.000.000.000	(27.770.847.656)

⁽ⁱ⁾ Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0313053112 đăng ký thay đổi lần thứ 04 ngày 14 tháng 08 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp. Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Thực phẩm Dasumy 15.000.000.000 VND, tương đương 75% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ báo cáo, Công ty đã góp đủ 15.000.000.000 VND.

⁽ⁱⁱ⁾ Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0313046468 đăng ký thay đổi lần thứ 06 ngày 04 tháng 5 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp. Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Thực phẩm Dary 27.000.000.000 VND, tương đương 45% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ báo cáo, Công ty đã góp đủ 27.000.000.000 VND.

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình hoạt động của các công ty con, công ty liên kết

Công ty con đang hoạt động kinh doanh bị lỗ, công ty liên kết đang hoạt động có lãi.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Luỹ kế Năm 2024	Luỹ kế Năm 2023
Số đầu kỳ	27.770.847.656	37.121.460.213
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(12.770.847.656)	(9.350.612.557)
Số cuối kỳ	15.000.000.000	27.770.847.656

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ III NĂM 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)*Giao dịch với công ty con, công ty liên kết*

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với công ty con, công ty liên kết như sau:

	<u>Quý 3 năm 2024</u>	<u>Quý 3 năm 2023</u>
<i>Công ty TNHH Thực phẩm Dary</i>		
Bán nguyên vật liệu	3.025.284.295	15.824.192.570
Cho thuê MMTB	463.152.000	408.534.000
Thuê dịch vụ gia công	12.095.861.338	7.909.872.035
Thuê dịch vụ lưu kho, bốc xếp	1.796.882.286	2.224.996.271
Mua nguyên vật liệu	3.025.284.295	8.734.105.577
Lãi cho vay	1.295.089.000	1.385.779.000
Gia công		
Bán máy móc thiết bị		
Hàng bán trả lại		
<i>Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Thực phẩm Dasumy</i>		
Bán thành phẩm	1.500.000	630.000
Mua thành phẩm		10.886.414

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	1.436.503.449	31.775.559.274
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Thực phẩm Dasumy	1.436.503.449	1.446.625.209
Công ty TNHH Thực phẩm Dary		30.328.934.065
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	388.392.715.479	182.378.118.455
Trangs Group USA Incorporated	105.548.436.640	36.018.233.750
Trangs UK Limited	196.331.718.317	75.13.024.812
TRANG EUROPE SAS	52.557.615.079	50.723.752.086
Các khách hàng khác	33.954.945.443	20.523.107.807
Cộng	<u>389.829.218.928</u>	<u>214.153.677.729</u>

Một phần quyền phát sinh thuộc sở hữu của Công ty từ hợp đồng xuất khẩu cho các khách hàng Toyota Tsusho Foods Corporation và Trang UK Limited đã được dùng thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh 6 (xem thuyết minh số V.20).

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
	929.884.934	730.917.377
Mariox Trading	130.431.972	130.431.972
Công Ty TNHH Wilmar Marketing CLV	168.074.352	
Hiệp Hội Chế Biến Và XK Thủy Sản Việt Nam	110.000.000	110.000.000
Công Ty TNHH Công Nghệ và Giải Pháp Omega	128.392.000	143.080.000
Các nhà cung cấp khác	392.986.610	347.405.405
Cộng	<u>929.884.934</u>	<u>730.917.377</u>

5. Phải thu khác**5a. Phải thu ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu kỳ</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
Các khoản ký cược, ký quỹ ngắn hạn	11.210.144.972		7.000.000	
Tạm ứng	2.488.915.000		685.000.000	
Thuế GTGT chờ hoàn	26.320.834.342		20.624.395.061	
Lãi dự thu	1.145.930.464		1.142.272.354	
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	7.355.864		112.692.918	
Cộng	<u>41.173.180.642</u>		<u>22.571.360.333</u>	

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ III NĂM 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**5b. Phải thu dài hạn khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu bên liên quan	73.508.000.614		69.650.888.614	
Công ty TNHH Thực phẩm Dary – Lãi cho vay	24.037.959.890		20.180.847.890	
Công ty TNHH Thực phẩm Dary – Khoản ký quỹ	49.470.040.724		49.470.040.724	
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	1.582.991.192		1.579.666.431	
Các khoản ký quỹ dài hạn			1.021.780.479	
Các khoản phải thu dài hạn khác	1.582.991.192		557.885.952	
Cộng	75.090.991.806		71.230.555.045	

6. Nợ quá hạn

	Thời gian quá hạn	Số cuối kỳ		Thời gian quá hạn	Số đầu kỳ	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty TNHH Sản xuất & Thương mại Hải Lê – trả trước cho người bán	Trên 05 năm	68.750.000		Trên 05 năm	68.750.000	
Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI - Chi nhánh Hà Nội – trả trước cho người bán	Trên 04 năm	50.000.000		Trên 04 năm	50.000.000	
Hiệp Hội Chế Biến Và Xuất Khẩu Thủy Sản Việt Nam – trả trước cho người bán	Trên 04 năm	110.000.000		Trên 04 năm	110.000.000	
MARIOX TRADING	Trên 03 năm	130.431.972	39.129.592	Trên 03 năm	130.431.972	
Cộng		359.181.972	39.129.592		359.181.972	

Tình hình biến động dự phòng khoản trả trước cho người bán quá hạn như sau:

	Quý 3 năm 2024	Quý 3 năm 2023
Số đầu kỳ	320.052.380	293.965.986
Trích lập dự phòng bổ sung	-	
Số cuối kỳ	320.052.380	293.965.986

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm/kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	75.081.801.064	(4.429.713.866)	111.434.828.606	(2.923.528.114)
Công cụ, dụng cụ	2.388.356.584	-	2.829.663.519	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	7.617.290.495	-	4.434.844.041	-
Thành phẩm	38.527.939.045	-	7.540.024.030	
Hàng hóa	268.861.824			
Cộng	123.884.249.011	(4.429.713.866)	126.239.360.196	(2.923.528.114)

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ III NĂM 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Quý 3/ 2024	Quý 3 /2023
Số đầu kỳ	(1.490.265.713	
Trích lập dự phòng	(2.939.448.153	
Số cuối kỳ	(4.429.713.866)	

Toàn bộ hàng tồn kho đã được dùng thế chấp để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh 6, Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh, Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh An Phú và Ngân hàng BPCE IOM - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh, Ngân hàng TMCP Ngoại Thương - CN Tp.HCM (xem thuyết minh số V.20).

8. Chi phí trả trước**8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Công cụ, dụng cụ	396.753.411	439.418.324
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	2.386.457.017	2.322.387.244
Cộng	2.783.210.428	2.761.805.568

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Công cụ, dụng cụ	532.786.565	467.843.064
Chi phí sửa chữa	499.147.463	190.869.133
Tiền thuê đất	3.025.968.346	3.118.252.258
Các chi phí trả trước dài hạn khác	1.065.148.884	528.414.676
Cộng	5.123.051.258	4.305.379.131

Toàn bộ quyền sử dụng đất thuê đang được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (xem thuyết minh V.20).

9. Phải thu về cho vay**9a. Phải thu về cho vay ngắn hạn.****9b. Phải thu về cho vay dài hạn**

Khoản cho Công ty TNHH Thực phẩm Dary là bên liên quan vay với lãi suất 08%/năm và thời hạn vay 45 tháng.

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	16.421.079.769	65.749.932.313	5.569.960.381	1.892.997.737	89.633.970.200
Mua trong kỳ		349.200.000			349.200.000
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành					
Thanh lý		(2.330.699.699)			(2.330.699.699)
Số cuối kỳ	16.421.079.769	63.768.432.614	5.569.960.381	1.892.997.737	87.652.470.501
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	2.602.527.633	33.860.466.613	1.859.878.985	1.336.957.919	39.659.831.150

Giá trị hao mòn

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ III NĂM 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Số đầu năm	10.440.443.941	50.559.149.179	3.041.319.597	1.534.023.193	65.574.935.913
Khấu hao trong kỳ	514.164.312	2.109.757.744	351.601.362	68.495.022	3.044.018.440
Thanh lý	-	(1.177.661.756)	-	-	(1.177.661.756)
Số cuối kỳ	10.954.608.253	51.491.245.167	3.392.920.959	1.602.518.215	67.441.292.594
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	5.980.635.828	15.190.783.134	2.528.640.780	358.974.544	24.059.034.287
Số cuối kỳ	5.466.471.516	12.277.187.447	2.177.039.421	290.479.522	20.211.177.907

Trong đó:

Tạm thời chưa sử dụng

Đang chờ thanh lý

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 2.845.157.874 VNĐ đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh, Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh 6, Ngân hàng TMCP Tiên Phong Chi nhánh Quận 1 (xem thuyết minh số V.20).

11. Tài sản cố định thuê tài chính

Tài sản cố định thuê tài chính là máy móc thiết bị, chi tiết như sau:

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Số đầu năm	11.032.234.798	1.179.370.757	9.852.864.041
Tăng trong kỳ	839.960.000	-	-
Khấu hao trong kỳ	-	626.726.430	-
Số cuối kỳ	11.872.194.798	1.806.097.188	10.066.097.610

12. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy tính, chi tiết như sau:

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Số đầu kỳ	481.350.800	402.580.276	78.770.524
Mua mới trong kỳ	-	-	-
Khấu hao trong kỳ	-	12.659.553	-
Số cuối kỳ	481.350.800	415.239.829	66.110.971

Trong đó:

Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng

Tạm thời không sử dụng

Đang chờ thanh lý

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang là tiền thuê đất mở rộng nhà xưởng, chi tiết như sau:

	Số đầu kỳ	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Kết chuyển chi phí phân bộ	Số cuối kỳ
Nâng cấp hệ thống PCCC		146.759.000	(146.759.000)		
Cải tạo hạ tầng VP		134.400.000	(134.400.000)		
Cải tiến, chế tạo MMTB	40.980.220	93.885.954	(73.100.174)		61.766.000
Cộng	40.980.220	375.044.954	(354.259.174)		61.766.000

14. Phải trả người bán ngắn hạn

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ III NĂM 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>				
<i>Phải trả bên liên quan</i>	6.594.414.407	13.423.414.713				
Công ty TNHH Thực phẩm Dary	6.594.414.407	13.423.414.713				
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	116.126.325.953	49.834.001.054				
Công Ty TNHH TMDV Khánh Hải	16.252.750.800	6.339.824.400				
Classier Enterprises Pty Ltd	18.055.915.576					
Công Ty TNHH Thủy Sản Hòa Bình	8.232.534.100	2.338.183.600				
Các nhà cung cấp khác	<u>73.585.125.477</u>	<u>41.155.993.054</u>				
Cộng	<u>122.720.740.360</u>	<u>63.257.415.767</u>				
Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.						
15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>				
Culinova As	551.710.179	-				
Gray Mackenzie Retail Lebanon	315.728.196	476.801.530				
Cộng	<u>867.438.375</u>	<u>476.801.530</u>				
16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm/kỳ</u>	<u>Số đã thực nộp trong năm/kỳ</u>	<u>Số cuối năm/kỳ</u>	<u>Phải Thu</u>	<u>Phải Nộp</u>
Thuế GTGT hàng NK		2.262.378	(2.262.378)			-
Thuế GTGT hàng bán nội địa		541.540.886	(541.540.886)			-
Thuế xuất, nhập khẩu		5.061.723	(5.061.723)			-
Thuế TNDN	4.233.525.377	19.587.136.217	(6.232.360.765)			17.588.300.829
Thuế thu nhập cá nhân	483.032.049	1.396.536.003	(1.764.868.389)			114.699.663
Các loại thuế khác	-	172.015.908	(172.015.908)			-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác		<u>36.214.054</u>	<u>(36.214.054)</u>			-
Cộng	<u>4.716.557.426</u>	<u>21.740.767.169</u>	<u>(8.754.324.103)</u>			<u>17.703.000.492</u>
17. Chi phí phải trả ngắn hạn		<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>			
Chi phí hoa hồng bán hàng phải trả		2.877.081.469	16.658.324.008			
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác		<u>4.300.930.611</u>	<u>847.717.982</u>			
Cộng		<u>7.178.012.080</u>	<u>17.506.041.990</u>			
18. Phải trả ngắn hạn khác		<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>			
<i>Phải trả bên liên quan</i>		130.189.040	80.216.438			
Các thành viên Hội đồng quản trị - Chi phí lãi vay phải trả		130.189.040	80.216.438			
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>		422.706.219	1.368.336.409			
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn		356.998.100	305.128.290			
Cổ tức phải trả		65.708.119	1.063.208.119			
Các khoản phải trả ngắn hạn khác		<u>552.895.259</u>	<u>1.448.552.847</u>			
Cộng		<u>552.895.259</u>	<u>1.448.552.847</u>			
Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.						

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ III NĂM 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**19. Vay và nợ thuê tài chính****19a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
<i>Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức khác</i>	358.327.900.853	317.052.397.120
Vay ngắn hạn cá nhân		8.200.000.000
Vay ngắn hạn ngân hàng	356.270.027.815	315.019.669.170
<i>Vay Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh An Phú⁽ⁱ⁾</i>	69.648.034.289	75.027.498.245
<i>Vay Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh⁽ⁱⁱ⁾</i>	113.606.133.070	72.270.047.500
<i>Vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh 6⁽ⁱⁱⁱ⁾</i>	60.259.849.689	65.811.884.655
<i>Vay Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam^(iv)</i>	47.009.117.193	14.234.237.220
<i>Vay Ngân hàng BPCE IOM – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh^(iv)</i>	33.130.623.228	18.163.390.870
<i>Vay Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh^(iv)</i>	28.894.485.146	33.214.676.208
<i>Vay Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Tp.HCM^(v)</i>	-	36.297.934.472
<i>Vay Ngân hàng Standard Chartered Việt Nam</i>	3.721.785.200	-
Vay trung dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.20b)	40.000.000	160.000.000
<i>Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh</i>	40.000.000	160.000.000
Nợ thuê tài chính đến hạn trả (xem thuyết minh V.20b)	2.017.873.038	1.872.727.950
<i>Công ty Cho Thuê Tài Chính TNHH MTV Quốc Tế Chailease</i>	774.339.488	629.194.400
<i>Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh</i>	1.243.533.550	1.243.533.550
Cộng	358.327.900.853	325.252.397.120

Công ty có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh An Phú để bổ sung nguồn vốn kinh doanh với lãi suất theo từng khế ước nhận nợ, thời hạn vay từ 06 tháng đến 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và hàng tồn kho (xem các thuyết minh số V.2b và V.7).
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung nguồn vốn kinh doanh và bảo lãnh các loại với lãi suất theo từng khế ước nhận nợ, thời hạn vay từ 06 tháng đến 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp toàn bộ bất động sản tại Thửa đất số 242, tờ bản đồ số 20, Lô A14B, Khu công nghiệp Hiệp Phước, xã Long Thới, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh của Công ty, bất động sản tại Căn hộ số A3419 tại tầng 41, thuộc Nhà Chung cư số A3, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh thuộc quyền sở hữu của Bà Nguyễn Minh Nguyệt và hàng tồn kho (xem các thuyết minh số V.8, V.9b, V.10 và VII.1a).
- (iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh 6 để bổ sung nguồn vốn kinh doanh với lãi suất theo từng khế ước nhận nợ, thời hạn vay từ 06 tháng đến 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, hàng tồn kho, bất động sản tại 285/125/22 Cách Mạng Tháng 8, Phường 12 Quận 10, TPHCM thuộc quyền sở hữu của Bà Vũ Thị Minh Chiến, một phần quyền phát sinh thuộc sở hữu của Công ty từ hợp đồng xuất khẩu cho các khách hàng Toyota Tsusho Foods Corporation (xem các thuyết minh số V.2b, V.3 và V.7).
- (iv) Khoản vay Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam, Ngân hàng BPCE IOM – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh và Vay Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung nguồn vốn kinh doanh với lãi suất theo từng khế ước nhận nợ, thời hạn vay từ 06 tháng đến 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (xem thuyết minh số V.2b).

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ III NĂM 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (v) Khoản vay Ngân hàng Standard Chartered Việt Nam - CN HCM để bổ sung nguồn vốn kinh doanh với lãi suất theo từng khế ước nhận nợ, thời hạn vay từ 06 tháng đến 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Số đầu kỳ	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	Kết chuyển sang/từ vay và nợ dài hạn	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn ngân hàng	315.019.669.170	491.625.222.699	(443.767.455.216)	(6.607.408.838)		356.270.027.815
Vay ngắn hạn cá nhân	8.200.000.000				(8.200.000.000)	-
Vay dài hạn đến hạn trả	160.000.000		(120.000.000)			40.000.000
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	1.872.727.950		(1.507.142.633)		1.652.287.721	2.017.873.038
Cộng	325.252.397.120	491.625.222.699	(445.394.597.849)	(6.607.408.838)	(6.547.712.279)	358.327.900.853

19b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Vay dài hạn tổ chức cá nhân	8.200.000.000	-
Nợ thuê tài chính	3.115.960.403	4.063.257.697
<i>Công ty Cho Thuê Tài Chính TNHH MTV Quốc Tế Chailease</i>	<i>2.153.200.017</i>	<i>2.167.847.156</i>
<i>Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱⁱ⁾</i>	<i>962.760.386</i>	<i>1.895.410.531</i>
Cộng	11.315.960.403	4.063.257.697

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để mua xe phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, hạn mức vay 800.000.000 VND với lãi suất theo từng khế ước nhận nợ, thời hạn vay 60 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp xe ô tô con, nhãn hiệu Kia (xem thuyết minh V.9).
- (ii) Công ty thuê tài chính Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh theo các Hợp đồng thuê tài chính như sau:
- Hợp đồng thuê tài chính số 92.21.01/CTTC ngày 09 tháng 6 năm 2021, lãi suất thả nổi có biên độ điều chỉnh, thời hạn thuê 5 năm.
 - Hợp đồng thuê tài chính số 92.21.02/CTTC ngày 09 tháng 6 năm 2021, lãi suất thả nổi có biên độ điều chỉnh, thời hạn thuê 5 năm.
 - Hợp đồng thuê tài chính số 92.21.03/CTTC ngày 09 tháng 6 năm 2021, lãi suất thả nổi có biên độ điều chỉnh, thời hạn thuê 5 năm.
 - Hợp đồng thuê tài chính số 92.21.04/CTTC ngày 09 tháng 6 năm 2021, lãi suất thả nổi có biên độ điều chỉnh, thời hạn thuê 5 năm.
 - Hợp đồng thuê tài chính số 92.21.07/CTTC ngày 09 tháng 6 năm 2021, lãi suất thả nổi có biên độ điều chỉnh, thời hạn thuê 5 năm.
 - Hợp đồng thuê tài chính số 63.22.02/CTTC ngày 20 tháng 6 năm 2022, lãi suất thả nổi có biên độ điều chỉnh, thời hạn thuê 4 năm.
 - Hợp đồng thuê tài chính số 63.22.03/CTTC ngày 20 tháng 6 năm 2022, lãi suất thả nổi có biên độ điều chỉnh, thời hạn thuê 4 năm.
 - Hợp đồng thuê tài chính số 63.22.04/CTTC ngày 20 tháng 6 năm 2022, lãi suất thả nổi có biên độ điều chỉnh, thời hạn thuê 4 năm.
 - Hợp đồng thuê tài chính số 63.22.05/CTTC ngày 20 tháng 6 năm 2022, lãi suất thả nổi có biên độ điều chỉnh, thời hạn thuê 4 năm.
 - Hợp đồng thuê tài chính số 63.22.06/CTTC ngày 20 tháng 6 năm 2022, lãi suất thả nổi có biên độ điều chỉnh, thời hạn thuê 4 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ III NĂM 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Hợp đồng thuê tài chính số B230212202-PC ngày 13 tháng 4 năm 2023 lãi suất thả nổi có biên độ điều chỉnh. thời hạn thuê 5 năm.
- Hợp đồng thuê tài chính số C230535302-PC ngày 30 tháng 5 năm 2023, lãi suất thả nổi có biên độ điều chỉnh. thời hạn thuê 5 năm.
- Hợp đồng thuê tài chính số B230215902-01-PC ngày 23 tháng 6 năm 2023, lãi suất thả nổi có biên độ điều chỉnh. thời hạn thuê 5 năm.
- Hợp đồng thuê tài chính số B230215902-02-PC ngày 01 tháng 8 năm 2023, lãi suất thả nổi có biên độ điều chỉnh. thời hạn thuê 5 năm.
- Hợp đồng thuê tài chính số B230915202 ngày 18 tháng 10 năm 2023, lãi suất thả nổi có biên độ điều chỉnh. thời hạn thuê 5 năm.
- Hợp đồng thuê tài chính số B230923302 ngày 20 tháng 10 năm 2023, lãi suất thả nổi có biên độ điều chỉnh. thời hạn thuê 5 năm.
- Hợp đồng thuê tài chính số B240326902 ngày 08 tháng 04 năm 2024, lãi suất thả nổi có biên độ điều chỉnh. thời hạn thuê 3,5 năm.

Công ty có khả năng trả được khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

Kỳ hạn thanh toán khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	<u>Tổng nợ</u>	<u>Từ 01 năm trở xuống</u>	<u>Trên 01 năm đến 05 năm</u>
Số cuối kỳ			
Vay dài hạn ngân hàng	40.000.000	40.000.000	-
Nợ thuê tài chính	5.133.833.441	2.017.873.038	3.115.960.403
Vay dài hạn tổ chức cá nhân	8.200.000.000		8.200.000.000
Cộng	13.373.833.441	2.057.873.038	11.315.960.403
Số đầu kỳ			
Vay dài hạn ngân hàng	160.000.000	160.000.000	
Nợ thuê tài chính	5.935.985.647	1.872.727.950	4.063.257.697
Vay dài hạn tổ chức cá nhân	-	-	-
Cộng	6.095.985.647	2.032.727.950	4.063.257.697

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	<u>Số đầu kỳ</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong kỳ</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển sang/từ vay và nợ ngắn hạn</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Nợ thuê tài chính	4.063.257.697	907.156.800	(202.166.373)	(1.652.287.721)	3.115.960.403
Vay dài hạn tổ chức cá nhân				8.200.000.000	8.200.000.000
Cộng	4.063.257.697	907.156.800	(202.166.373)	6.547.712.279	11.315.960.403

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ III NĂM 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**19c. Vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán**

Công ty không có các khoản vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán.

20. Vốn chủ sở hữu**20a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu kỳ năm trước	168.299.940.000	17.173.652.728	24.556.398.771	210.029.991.499
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	-	(3.209.690.066)	(3.209.690.066)
Số dư cùng kỳ năm trước	168.299.940.000	17.173.652.728	21.346.708.705	206.820.301.433
Số dư đầu kỳ năm nay	168.299.940.000	17.173.652.728	68.579.531.586	254.053.124.314
Lợi nhuận trong kỳ này			111.759.615.931	111.759.615.931
Trích thù lao HĐQT			(422.887.500)	(422.887.500)
Trích lập các quỹ			(1.562.489.566)	(1.562.489.566)
Số dư cuối kỳ năm nay	168.299.940.000	17.173.652.728	178.353.770.451	363.827.363.179

20b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ông David Ho	38.600.000.000	38.600.000.000
Ông Hồ Văn Trung	28.874.000.000	28.874.000.000
Bà Nguyễn Minh Nguyệt	37.061.000.000	37.061.000.000
Bà Susan Ho	10.000.000.000	10.000.000.000
Các cổ đông khác	53.764.940.000	53.764.940.000
Cộng	168.299.940.000	168.299.940.000

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp		Vốn điều lệ đã góp (VND)
	VND	Tỷ lệ (%)	
Ông David Ho	38.600.000.000	22.94	38.600.000.000
Ông Hồ Văn Trung	28.874.000.000	17.16	28.874.000.000
Bà Nguyễn Minh Nguyệt	37.061.000.000	22.02	37.061.000.000
Bà Susan Ho	10.000.000.000	5.94	10.000.000.000
Các cổ đông khác	53.764.940.000	31.95	53.764.940.000
Cộng	168.299.940.000	100.00	168.299.940.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TRẠNG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ III NĂM 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

20c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	16.829.994	16.829.994
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	16.829.994	16.829.994
- Cổ phiếu phổ thông	16.829.994	16.829.994
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	16.829.994	16.829.994
- Cổ phiếu phổ thông	16.829.994	16.829.994
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán*Ngoại tệ các loại*

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Dollar Mỹ (USD)	1.894.872,89	1.469.764,92
Bảng Anh (GBP)	108.34	108.34
Euro (EUR)	4.88	4.88

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	<u>Quý 3 năm 2024</u>	<u>Quý 3 năm 2023</u>
Doanh thu xuất khẩu	393.543.817.812	314.924.604.365
Doanh thu nội địa	2.880.046.336	18.058.501.324
Cộng	396.423.864.148	332.983.105.689

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho công ty con, công ty liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2c. Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty con, công ty liên kết.

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Quý 3 năm 2024</u>	<u>Quý 3 năm 2023</u>
Giá vốn của thành phẩm đã bán	275.677.740.970	245.225.915.656
Giá vốn của nguyên vật liệu đã bán	1.966.010.104	16.298.831.737
Dự phòng/(Hoàn nhập) giảm giá hàng tồn kho	2.939.448.153	-
Cộng	280.583.199.227	261.524.747.393

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Quý 3 năm 2024</u>	<u>Quý 3 năm 2023</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng	113.656.136	136.775.813
Lãi tiền cho vay	1.295.089.000	1.385.779.000
Lãi CLTG do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	684.052.850	-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	1.407.514.260	472.619.290
Lãi dự thu	514.555.663	1.119.111.964
Cộng	4.014.867.909	3.114.286.067

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ III NĂM 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Chi phí tài chính

	<u>Quý 3 năm 2024</u>	<u>Quý 3 năm 2023</u>
Chi phí lãi vay	3.736.882.084	5.570.462.256
Chi phí thuê tài chính	113.783.820	137.703.863
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	4.635.247.255	2.210.097.947
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		2.406.159.620
Dự phòng tổn thất đầu tư	(13.490.374.342)	(2.668.587.998)
Cộng	<u>5.004.461.183</u>	<u>7.655.835.688</u>

5. Chi phí bán hàng

	<u>Quý 3 năm 2024</u>	<u>Quý 3 năm 2023</u>
Chi phí cho nhân viên	906.211.556	822.678.766
Chi phí vật liệu, bao bì	383.533.687	301.749.203
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	38.738.240	59.785.163
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.487.108	47.842.916
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.527.241.553	4.713.408.231
Các chi phí khác	2.021.123.109	2.368.650.615
Cộng	<u>8.879.335.253</u>	<u>8.314.114.894</u>

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Quý 3 năm 2024</u>	<u>Quý 3 năm 2023</u>
Chi phí cho nhân viên	16.439.272.622	10.899.413.629
Chi phí đồ dùng văn phòng	151.134.813	219.390.683
Chi phí khấu hao tài sản cố định	146.895.876	190.034.173
Thuế, phí và lệ phí	161.677.925	179.662.496
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.963.459.841	1.981.420.432
Các chi phí khác	1.027.456.528	864.961.962
Cộng	<u>19.890.352.605</u>	<u>14.334.883.375</u>

7. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Quý 3 năm 2024</u>	<u>Quý 3 năm 2023</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	310.321.016.631	295.705.869.031
Chi phí nhân công	60.289.729.838	46.179.232.899
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.115.553.458	1.151.692.113
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.528.471.788	16.742.823.170
Chi phí khác	2.192.106.717.00	2.411.495.010
Cộng	<u>391.446.878.432</u>	<u>362.191.112.223</u>

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ III NĂM 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

1a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt và cá nhân có liên quan:

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt
Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và chỉ phát sinh các giao dịch sau với các thành viên Hội đồng quản trị và cá nhân có liên quan:

	Quý 3 năm 2024	Quý 3 năm 2023
Chi phí lãi vay	206.684.930	157.156.721

Việc mua dịch vụ từ các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt
Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V.20.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt bao gồm lương và thù lao với tổng chi phí trong kỳ là 521.346.500 VND (cùng kỳ năm trước là 508.492.000 VND).

1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan khác</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Thực phẩm Dasumy	Công ty con
Công ty TNHH Thực phẩm Dary	Công ty liên kết

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với công ty con, công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2c, Công ty không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.5, V.9 và V.14.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. *Thông tin về bộ phận*

Công ty chỉ hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực chế biến, xuất khẩu và kinh doanh mặt hàng tôm, đồng thời doanh thu chủ yếu của Công ty là từ xuất khẩu tôm chế biến. Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc, không có sự khác biệt đáng kể về rủi ro và lợi ích kinh tế giữa các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý. Do đó, Công ty không trình bày Báo cáo theo bộ phận.

3. *Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ báo cáo*

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ báo cáo yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRĂNG

Địa chỉ: Lô A 14B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ III NĂM 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 10 năm 2024



Giản Thị Ngọc
Người lập

Nguyễn Thị Mỹ Nhung
Kế toán trưởng

Trương Văn Quang
Tổng Giám đốc